

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/DS-ST
Ngày 31-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

2. Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 872/2024/TLST-DS ngày 28/11/2024, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V1; Địa chỉ: Số D T, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp: Bà Bùi Thị Thanh B, sinh năm 1995 và hoặc ông Nguyễn Mậu Minh N, sinh năm 2000 và hoặc bà Vũ Hải V; Cùng địa chỉ: Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 - Số I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Là người đại diện theo uỷ quyền - Văn bản uỷ quyền ngày 02/12/2024). Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Trung T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số B, đường N, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 11 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 trình bày:

Ngày 16/8/2021, bà Phạm Thị Trung T đã ký hợp đồng sử dụng thẻ (bao gồm Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của V2) với Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 (sau đây viết tắt là V2). Theo đó, V2 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Phạm Thị Trung T với hạn mức sử dụng: 65.000.000 đồng, loại thẻ: Visa My Luxury; Mục đích: Tiêu dùng cá nhân; Lãi suất: Được V2 quy định trong từng thời kỳ; Các loại phí: Được V2 quy định trong biểu phí của V2. Thời gian chốt các giao dịch thực hiện trong thông báo giao dịch từng tháng được tính từ ngày 02 của tháng hiện tại đến ngày 01 tháng của tháng sau liền kề. Ngày lập thông báo giao dịch thẻ định kỳ hàng tháng là vào ngày 01. Chậm nhất thanh toán trước ngày 26 hàng tháng.

Sau khi được cấp thẻ, bà T sử dụng thẻ từ tháng 4/2022. Trong thông báo giao dịch thẻ tháng 5/2022, bà T đã thực hiện các giao dịch với số tiền: 34.985.000 đồng; Trong thông báo giao dịch thẻ tháng 9/2022, bà T đã thực hiện các giao dịch với số tiền: 29.985.000 đồng, lãi suất: 14%/năm.

Trong quá trình kích hoạt và sử dụng thẻ, bà Phạm Thị Trung T đã trễ hạn thanh toán ngày 26/5/2022 (Thông báo giao dịch thẻ tháng 5/2022), ngày 26/6/2022 (Thông báo giao dịch thẻ tháng 6/2022), ngày 26/7/2022 (Thông báo giao dịch thẻ tháng 7/2022), ngày 26/8/2022 (Thông báo giao dịch thẻ tháng 8/2022), ngày 26/9/2022 (Thông báo giao dịch thẻ tháng 9/2022), ngày 26/10/2022 (Thông báo giao dịch thẻ tháng 10/2022), ngày 26/11/2022 (Thông báo giao dịch thẻ tháng 11/2022), ngày 26/12/2022 (Thông báo giao dịch thẻ tháng 12/2022), ngày 26/01/2023 (Thông báo giao dịch thẻ 01/2023), ngày 26/02/2023 (Thông báo giao dịch thẻ 02/2023), ngày 26/3/2023 (Thông báo giao dịch thẻ 3/2023), ngày 26/4/2023 (Thông báo giao dịch thẻ 4/2023) tuy nhiên bà Phạm Thị Trung T vẫn thanh toán nợ (lần gần nhất là 01/4/2023). Đến ngày 26/5/2023 (Thông báo giao dịch thẻ tháng 05/2023) bà Phạm Thị Trung T không thanh toán bất kì dư nợ nào đến nay.

Do bà Phạm Thị Trung T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) nên ngày 26/8/2022, V2 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 27 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay, bà T đã thực hiện các giao dịch với số tiền: 64.970.000 đồng, đã thanh toán cho V2 số tiền là 28.962.152 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). V2 đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà Phạm Thị Trung T trả nợ nhưng phía bà T vẫn không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng V2.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Phạm Thị Trung T thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 tổng số nợ tạm tính đến hết ngày 31/3/2025 là 205.559.308 đồng (Hai trăm lẻ năm triệu năm trăm năm mươi chín nghìn ba trăm lẻ tám đồng), gồm: Nợ gốc: 64.932.968 đồng; Nợ lãi: 35.926.327 đồng; Các loại phí: 104.700.013 đồng.

- Đồng thời, yêu cầu bà Phạm Thị Trung T tiếp tục thanh toán tiền lãi, phí phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký, kể từ ngày 01/4/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

** Đối với bị đơn bà Phạm Thị Trung T:* Quá trình tố tụng, bà Phạm Thị Trung T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn V2 khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Trung T thanh toán nợ gốc, nợ lãi đối với khoản vay thông qua sử dụng thẻ tín dụng của V2. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn bà Phạm Thị Trung T có hộ khẩu thường trú tại: Số B, đường N, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 14/3/2025 và 31/3/2025 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho bị đơn; đồng thời đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do; không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ; không cung cấp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn bà Phạm Thị Trung T phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 16/8/2021, bà Phạm Thị Trung T đã ký hợp đồng sử dụng thẻ (bao gồm Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của V2) với V2. Theo đó, V2 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Phạm Thị Trung T với hạn mức sử dụng: 65.000.000 đồng; loại thẻ: Visa My Luxury; Mục đích: Tiêu dùng cá nhân; Lãi suất: Được V2 quy định trong từng thời kỳ; Các loại phí: Được V2 quy định trong biểu phí của V2. Thời gian chốt các giao dịch thực hiện trong thông báo giao dịch từng tháng được tính từ ngày 02 của tháng hiện tại đến ngày 01 tháng của tháng sau liền kề. Ngày lập thông báo giao dịch thẻ định kỳ hàng tháng là vào ngày 01. Chậm nhất thanh toán trước ngày 26 hàng tháng.

Sau khi được cấp thẻ, bà T sử dụng thẻ từ tháng 04/2022. Trong thông báo giao dịch thẻ tháng 5/2022, bà T đã thực hiện các giao dịch với số tiền: 34.985.000 đồng; Trong thông báo giao dịch thẻ tháng 9/2022, bà T đã thực hiện các giao dịch với số tiền: 29.985.000 đồng, lãi suất: 14%/năm. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay, bà T đã thực hiện các giao dịch với số tiền: 64.970.000 đồng, đã thanh toán cho V2 số tiền là 28.962.152 đồng.

Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 16/8/2021 (bao gồm Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của V3) giữa bà Phạm Thị Trung T với V2 là tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng bà Phạm Thị Trung T đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 16/8/2021. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Trung T thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 (V2) tổng số nợ tạm tính đến hết ngày 31/3/2025 là 205.559.308 đồng (Hai trăm lẻ năm triệu năm trăm năm mươi chín nghìn ba trăm lẻ tám đồng), gồm: Nợ gốc: 64.932.968 đồng; Nợ lãi: 35.926.327 đồng; Các loại phí: 104.700.013 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp được chứng cứ về việc không vay nợ hoặc tài liệu chứng cứ về việc đã thanh toán một phần hoặc toàn bộ tiền nợ cho V2. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về yêu cầu trả liền lãi: Việc thỏa thuận lãi suất và phí thẻ tín dụng trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/8/2021 giữa V2 và bà Phạm Thị Trung T là phù hợp với quy định của pháp luật. Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt*

động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong thì bị đơn bà Phạm Thị Trung T phải tiếp tục trả cho V2 các khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 01/4/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 16/8/2021 giữa bà Phạm Thị Trung T với V2.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Phạm Thị Trung T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 đối với bà Phạm Thị Trung T về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc bà Phạm Thị Trung T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 khoản nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 16/8/2021 (bao gồm Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Bản điều khoản và điều kiện thẻ tín dụng của V2) giữa bà Phạm Thị Trung T và Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 tính đến ngày 31/3/2025 là: 205.559.308 đồng (Hai trăm lẻ năm triệu năm trăm năm mươi chín nghìn ba trăm lẻ tám đồng) gồm: Nợ gốc: 64.932.968 đồng; Nợ lãi: 35.926.327 đồng; Các loại phí: 104.700.013 đồng.

- Đồng thời, bà Phạm Thị Trung T phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 các khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 01/4/2025 theo mức lãi suất, phí thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 16/8/2021 (bao gồm Giấy đề nghị

kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Bản điều khoản và điều kiện thẻ tín dụng của V3) giữa bà Phạm Thị Trung T với Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 cho đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Trung T phải chịu số tiền: 10.277.965 đồng (Mười triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền 4.033.675 đồng (Bốn triệu không trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001963 ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hải Nam